

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 15-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tân Đề.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐST-DS ngày 08/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1979; địa chỉ: **Số E đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang**.

2- **Bị đơn:** Chị **Mã Kim S**, sinh năm 1980; địa chỉ: **khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang**.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn trình bày:** Do có quen biết với chị **Mã Bích T** nên chị **T** có giới thiệu cho chị **P** tham gia chơi hui của em chị **T** là chị **Mã Kim S**. Chị **P** tham gia một phần hui 5.000.000 đồng/tháng, hui có 21 phần, mở hui ngày 19/01/2017. Chị **P** đóng hui được 15 lần thì chị **S** ngừng hui. Chị **S** phải trả cho chị **P** số tiền 75.000.000 đồng. Ngày 02/02/2021 âm lịch, chị **S** và chị **P** chốt số nợ thì chị **S** đã trả được

16.000.000 đồng và còn nợ lại 59.000.000 đồng. Chị **S** hứa nhiều lần nhưng không trả nợ. Nay chị **P** yêu cầu chị **S** trả số tiền còn lại là 59.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất qua định.

- *Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị **P**, buộc chị **S** trả số tiền hui 59.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **P** và chị **S** có hợp đồng góp hui (Chị **S** là chủ hui; chị **P** là thành viên), nay có tranh chấp chị **P** yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự không ai thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Chị **S** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị **Phấn khởi k** có cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy thỏa thuận (có danh sách hui viên ngày 19/02/2017, có chữ ký của chị **Mã Kim S**), Giấy xác nhận nợ (xác nhận vào ngày 02/02/2021 còn nợ 59.000.000 đồng), Biên nhận (có chữ ký chị **Mã Kim S**); Giấy hứa trả nợ.

Bị đơn là chị **Mã Kim S** vắng mặt và không có ý kiến gì về yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn là chị **P** cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật.

Chị **P** yêu cầu chị **S** trả tiền lãi theo quy định. Chị **P** và chị **S** không có thỏa thuận lãi suất nên căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất đối với số nợ. Tiền lãi tính từ ngày 02/02/2021 âm lịch đến ngày 02/01/2024 âm lịch (tức ngày

11/02/2024 dương lịch) là 03 năm x 10%/năm là 17.700.000 đồng.

[3] Qua phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **P** đối với số tiền hội 59.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02/01/2024 âm lịch (tức là ngày 11/02/2024 dương lịch) là 17.700.000 đồng. Đồng thời nếu chị **S** chậm thi hành án thì còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo quy định.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị **S** phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 76.700.000 đồng x 5% = 3.835.000 đồng. Chị **P** không chịu án phí nên được hoàn trả tiền án phí theo biên lai đã thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về “*họ, hội, biểu, phường*”; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị P đối với chị Mã Kim S. Buộc chị Mã Kim S trả cho chị Lê Thị P số tiền 76.700.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc chị **Mã Kim S** chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.835.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị **Lê Thị P** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.475.000 đồng (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0001396 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận